

TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN

Tháng 9/2023

THEO DÒNG LỊCH SỬ

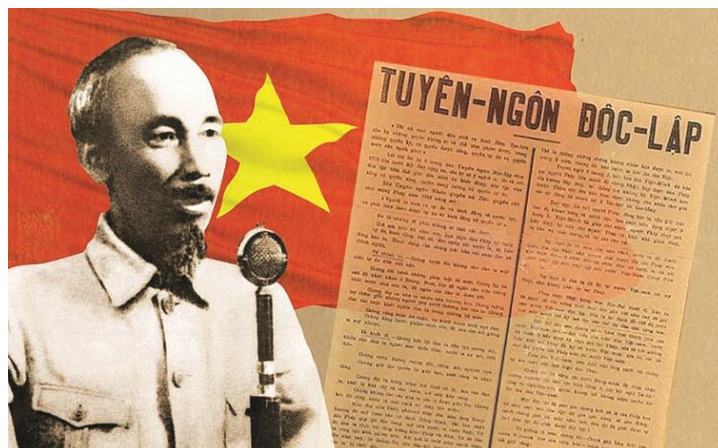
Những ngày đáng nhớ trong tháng 9:

- 02/9/1945: Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 06/9/1902: Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Hồng Phong.
- 10/9/1955: Ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- 12/9/1930: Ngày Xô Viết - Nghệ Tĩnh.
- 1969 - 2022: 53 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- 20/9/1977: Ngày Việt Nam là thành viên Liên Hợp Quốc.

02/9/1945: QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tuyên ngôn độc lập - Kết tinh và tỏa sáng những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố trước toàn dân và toàn thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn kiện có giá trị cao về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Tuyên ngôn độc lập mở ra kỷ nguyên độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời, thể hiện rõ thiện chí hoà bình và quyết tâm sắt đá của nhân dân quyết bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được sau hơn 80 năm dưới ách cai trị của thực dân. Tuyên ngôn độc lập không chỉ là bản tổng kết những giá trị tiên bộ chung của nhân loại trong cuộc đấu tranh vì độc lập và quyền bình đẳng thiêng liêng của các dân tộc, mà còn là nơi kết tinh và toả sáng những nét đẹp văn hoá rất tiêu biểu của dân tộc như: tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hoà bình.

TINH THẦN YÊU NƯỚC NỒNG NÀN

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải chống chọi với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ đó đã hình thành nên ý thức cộng đồng, ý thức tập thể và cao hơn là ý thức dân tộc, truyền thống yêu nước. Ý thức đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thấm thấu vào máu thịt của mỗi người dân nước Việt. Lịch sử đã minh chứng, trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam đã phải liên tục chống lại các thế lực ngoại xâm từ phương Bắc tràn xuống: Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh để giành độc lập cho dân tộc với những tên tuổi làm rạng danh đất nước như: Hai Bà Trưng, Mai Hắc Đế, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám,... Sau này, Hồ Chí Minh đã tổng kết truyền thống yêu nước của dân tộc trong một câu nói rất nổi tiếng: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”(1).

Sức mạnh của lòng yêu nước đã hun đúc quyết tâm cứu nước, cứu dân và thôi thúc Hồ Chí Minh bôn ba tìm đường cứu nước. Cũng chính chủ nghĩa yêu nước là cơ sở dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đến khi đất nước giành được độc lập, chính tinh thần ấy lại được kết tinh và toả sáng trong Tuyên ngôn độc lập - văn kiện đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Trong Tuyên ngôn độc lập, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia dân tộc. Đó là sự tiếp nối dòng chảy của ý thức mãnh liệt về Tổ quốc, về núi sông bờ cõi, về chủ quyền quốc gia dân tộc được viết lên từ bài thơ thần Nam quốc sơn hà tương truyền của Lý Thường Kiệt đến áng “thiên cổ hùng văn” Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi.

Nội dung chính của Tuyên ngôn độc lập là tuyên bố trước toàn thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập”(2). Đó là sự tất yếu, là “lẽ phải không ai chối cãi được” bởi “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có

quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”(3). Thực dân Pháp xâm lược nước Việt Nam là đi ngược lại những giá trị chung, giá trị tốt đẹp của nhân loại đã được thừa nhận trong chính Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776): “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”(4) và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1979: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”(5).

Cách mạng Tháng Tám thành công, dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của quân và dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo. Lời kết của Tuyên ngôn độc lập nêu rõ ý chí của dân tộc Việt Nam và thể hiện chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” - đó chính là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước, nét đẹp văn hoá tiêu biểu nhất của dân tộc Việt Nam được kế thừa và phát triển suốt chiều dài lịch sử.

TINH THẦN ĐOÀN KẾT, KHOAN DUNG

Truyền thống của người dân tộc Việt Nam là “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, rộng hơn, đó là trong cộng đồng dân tộc “người trong một nước phải thương nhau cùng”. Từ nét đẹp văn hóa cao nhất đó là tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa trở thành một nét đẹp văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, đó cũng là tình cảm tự nhiên, là phép ứng xử và triết lý sống của mỗi người dân đất Việt.

Với nhãn quan chính trị sắc bén, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc, đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà còn là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc "sống - còn", "thành - bại", "được - mất" trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc. Do đó, Người không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc đồng thời tích cực truyền bá tư tưởng đoàn kết trong toàn Đảng và trong các tầng lớp nhân dân. Tư tưởng và tấm gương đoàn kết Hồ Chí Minh là cơ sở, nền tảng cho sự thống nhất trong khác biệt để Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập hợp lực lượng, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho một dân tộc vốn đất không rộng, người không đông, tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, song đã đồng lòng đứng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ thực dân, giành độc lập, tự do.

Tuyên ngôn độc lập một mặt tố cáo việc thực dân Pháp dùng chính sách chia để trị, phá vỡ khối đoàn kết của dân tộc bằng cách “lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết”(6); mặt khác khẳng định kết quả của tinh thần đoàn kết mà nhân dân Việt Nam giành được là “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”(7). Để bảo vệ

thành quả của cách mạng, Tuyên ngôn độc lập thể hiện ý chí sắt đá “Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”(8).

Cùng với đoàn kết, khoan dung cũng là sức mạnh. Ở Tuyên ngôn độc lập, sáng rõ hình ảnh đẹp của một dân tộc đầy lòng nhân ái, thương yêu con người. Đặc biệt hơn nữa, lòng nhân ái, tinh thần khoan dung trong Tuyên ngôn độc lập không phải là cách ứng xử đối với những người làm đường, lạc lối thông thường mà đó là cách ứng xử đối với kẻ thù vốn “không đội trời chung”; không còn là cách ứng xử của một cá nhân mà là cách ứng xử của cả một dân tộc, hơn nữa là một dân tộc thắng trận.

Mặc dù, thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Mặc dù, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, chúng thi hành những luật pháp dã man, chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta, chúng “tắm” các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu, chúng thi hành chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều ... Và mặc dù mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp đã đẩy lên đỉnh điểm khi “thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật” và từ chối việc Việt Minh kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật...Tuyên ngôn độc lập vẫn nêu cao tinh thần nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam, giương cao ngọn cờ chính nghĩa và chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh: “Đối với nước Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày mùng 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”(9).

Theo Hồ Chí Minh, cách ứng xử khoan dung đó “cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh”. Người đã nâng truyền thống nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc lên tầm cao mới bằng cách kết hợp với chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Cách ứng xử đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, tầm cao văn hóa, tinh thần đối thoại, hòa giải ... mà nhân loại tiến bộ ngày nay đang phấn đấu vươn tới.

YÊU CHUỘNG HÒA BÌNH

Hòa bình là khát vọng mà cả nhân loại tiến bộ phấn đấu và hướng tới. Những dân tộc càng trải qua nhiều chiến tranh, chịu đựng nhiều đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra lại càng nhận thức được giá trị của hòa bình.

Tuyên ngôn độc lập đã nêu bật bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân với chính sách cai trị tàn độc của Pháp ở Việt Nam cả về kinh tế, chính trị, văn

hoá, giáo dục, nhất là hành động năm 1940, khi phát xít Nhật đến Đông Dương, thực dân Pháp chẳng những không “bảo hộ” được Việt Nam mà còn quỳ gối đầu hàng bán Việt Nam hai lần cho Nhật, khiến cho nhân dân ta càng thêm cực khổ, khiến cho “hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”... Đó là những tội ác vi phạm quyền con người, quyền dân tộc, đi ngược lại khát vọng hoà bình của toàn nhân loại.

Trong điều kiện khắc nghiệt đó, dân tộc Việt Nam buộc phải kiên quyết đứng lên đấu tranh để tự giải phóng và để giành lại nền độc lập đã mất. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết và khát vọng hoà bình của Việt Nam là những nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Việc Tuyên ngôn độc lập trịnh trọng tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời; thủ tiêu hoàn toàn chính quyền thực dân, phong kiến, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trước toàn thể nhân dân Việt Nam và toàn thế giới không những là tuyên ngôn về độc lập, tự do của dân tộc mà còn là tuyên ngôn về tinh thần yêu chuộng hoà bình của Việt Nam:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

...

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”(10).

Hơn thế nữa, trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân trên thế giới trở thành vấn đề lớn của thời đại, Việt Nam đã bền bỉ đấu tranh chống sự thống trị và nô dịch của chủ nghĩa thực dân và đã giành được độc lập - đó cũng chính là đóng góp lớn lao của dân tộc và nhân dân Việt Nam đối với nền hoà bình thế giới. Do vậy, Tuyên ngôn độc lập khẳng định: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”(11), thể hiện tinh thần yêu hoà bình tha thiết không chỉ của Hồ Chí Minh mà còn của cả dân tộc Việt Nam. Và thực tế là Tuyên ngôn độc lập đã mở đầu kỷ nguyên độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa, bị áp bức trên toàn thế giới.

Tuyên ngôn độc lập không chỉ là một mốc son chói lọi, góp phần làm rạng rỡ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam mà còn góp phần làm cho nền văn hiến Việt Nam trở nên toả sáng và có giá trị lâu bền. Tuyên ngôn độc lập gắn với Ngày Quốc khánh - Tết Độc lập khơi dậy niềm tự hào về thành quả cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, về Chủ tịch Hồ

Chí Minh và hơn cả là về một dân tộc vĩ đại, giàu lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hoà bình trong mỗi chúng ta.

TS. Trần Thị Hợi

ThS. Đinh Hồng Cường

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, t.7, tr.38.

(2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 4, tr.3, 1, 1, 1, 1, 1, 3, 2, 3, 3.

Theo Tạp chí Tuyên giáo

10/9/1955: NGÀY THÀNH LẬP MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Kỷ niệm 68 năm Ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955 - 10/9/2023)

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, cũng như công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn luôn đóng một vai trò quan trọng là chỗ dựa vững chắc của nhà nước, luôn làm tròn sứ mệnh vẻ vang của mình, đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng, của dân tộc, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Ngày 18/11/1930, Hội Phản đế đồng minh được thành lập (tiền thân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) đã gây được cao trào phản đế mạnh mẽ trong cả nước, có ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng, đánh dấu sự trưởng thành về nhận thức và chỉ đạo thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình tổ chức và xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất.

Ngày 29/5/1946, để đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng và sự phát triển của Mặt trận Dân tộc thống nhất, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập - đây là bước phát triển mới của Mặt trận Dân tộc thống nhất. Thực hiện Lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt đã ra sức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia kháng chiến, sát cánh bên nhau, đẩy mạnh mọi hoạt động, xây dựng tổ chức, phát triển lực lượng nhằm mục tiêu chung là kháng chiến thắng lợi, giành độc lập dân tộc.

Ngày 3/3/1951, Đại hội toàn quốc Mặt trận thống nhất Việt Minh - Liên Việt lấy tên là Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) được tiến hành. Quá trình kháng chiến toàn dân, toàn diện làm cho Mặt trận Dân tộc thống nhất không ngừng lớn mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh to lớn, đưa cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi cuối cùng.

Bước vào giai đoạn chống Mỹ cứu nước, ngày 10/9/1955, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với mục đích "đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, đấu tranh đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ra sức vận động các tầng lớp nhân dân thi đua yêu nước, tham gia khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa, hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, từ cao trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, ngày 20/12/1960, Mặt Trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời và Liên minh Các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam được thành lập ngày 20/4/1968 đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, dân tộc và mọi người dân yêu nước.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, từ ngày 31/1 đến ngày 4/2/1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam quyết định hợp nhất 3 tổ chức: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, lấy tên chung là Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Trong tình hình mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra, đó là: "Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tăng cường củng cố liên minh chính trị, xây dựng và củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện dân chủ, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tăng cường đồng thuận xã hội, thúc đẩy tinh thần thi đua sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, giữ vững hòa bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ,

công bằng, văn minh”. Để đạt được mục tiêu trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên xác định:

Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân; củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để kịp thời phản ánh đến các cơ quan Đảng, Nhà nước; theo dõi, giám sát và đôn đốc việc xử lý, giải quyết. Vận động nhân dân thi đua học tập, lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước. Vận động nhân dân phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, thi đua học tập, lao động sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh, phát huy tài năng, sáng kiến, giúp nhau giảm nghèo bền vững, vươn lên làm giàu chính đáng, cùng Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành vượt qua khó khăn, thách thức, tạo đà tăng trưởng vững chắc của nền kinh tế quốc gia, cải thiện nâng cao chất lượng toàn diện đời sống nhân dân; thực hiện công tác đền ơn, đáp nghĩa, bảo đảm an sinh xã hội; triển khai các hoạt động cứu trợ, nhân đạo từ thiện, vận động giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, bị thiệt hại do thiên tai, hoạn nạn.

Thực hiện dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh. Phối hợp hoàn thiện các quy định pháp luật, tổ chức và vận động cử tri, nhân dân thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức tiếp xúc cử tri. Phát huy vai trò của Mặt trận và sức mạnh của nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường đoàn kết quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, sáng tạo, hiệu quả”, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng, tăng cường ngoại giao của Nhà nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách ngoại giao của Nhà nước; tạo sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Tăng cường củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Kiện toàn Ủy ban Mặt trận các cấp với thành phần, cơ cấu hợp lý để Mặt trận thực sự là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện, đại diện tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ cơ quan chuyên trách Mặt trận các cấp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo hướng tinh, gọn, hiệu quả.

Trải qua những chặng đường lịch sử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn làm tốt nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia và ổn định xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm tốt công tác động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát huy mọi nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần quan trọng đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tổ chức và hướng dẫn nhân dân phát huy quyền làm chủ, chủ động và tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo <https://btctdbp-svhttdl.dienbien.gov.vn/>

**KỶ NIỆM 93 NĂM XÔ VIẾT NGHỆ - TỈNH
(12/9/1930-12/9/2023)**

Dấu ấn Xô viết Nghệ - Tĩnh trên hành trình đấu tranh vì độc lập, tự do

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930-1931, một sự kiện lịch sử trọng đại của cách mạng Việt Nam; khẳng định mối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam trong tiến trình đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. 90 năm sau, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Xô viết - Nghệ Tĩnh vẫn vẹn nguyên giá trị thời sự.



Trong giai đoạn 1929-1933, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ các nước tư bản, trong đó có Pháp đã lan nhanh sang các nước thuộc địa và phụ thuộc. Dù ở Pháp, cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra muộn hơn so với một số nước tư bản khác, song trước ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, giới cầm quyền nước này đã thi hành nhiều chính sách nhằm cứu vãn quyền lợi cho giai cấp tư sản Pháp và tay sai bản xứ.

TÌNH THẦN QUẬT KHỞI CỦA XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

Những chính sách mà Pháp thi hành ở Đông Dương tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội, làm cho nền kinh tế Đông Dương vốn phụ thuộc nặng nề vào nền kinh tế Pháp đã nhanh chóng suy thoái: kinh tế điêu đứng, nông nghiệp nghèo nàn, công nghiệp suy sụp, xuất và nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả leo thang; đồng thời, cũng làm cho tình hình chính trị ngột ngạt, đời sống của nhân dân Đông Dương sa sút nghiêm trọng, nhất là giai cấp công nhân và nông dân...

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng, ở Việt Nam, từ thành thị cho tới nông thôn, tình trạng thất nghiệp, đói kém ngày càng trầm trọng. Tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đã làm cho những mâu thuẫn vốn có trong xã hội bộc lộ sâu sắc hơn, gay gắt hơn, nhất là mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Trước tình hình đó, bất chấp việc đàn áp, khủng bố dã man của thực dân Pháp, phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân ngày càng sục sôi. “Sự áp bức bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy, phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng lên chống bọn đế quốc”(1).

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên; trong đó khẳng định “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”(2). Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; vai trò và sức ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng trong quần chúng. Dưới sự lãnh

đạo của Đảng, phong trào đấu tranh ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam ngày càng phát triển. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân cũng diễn ra ở nhiều nơi, với các hình thức như đòi chia ruộng đất công của làng xã, đòi lại các khoản bị hào lý tham nhũng... và rầm rộ nhất là từ Ngày Quốc tế Lao động 1/5.

Cụ thể, ở Nghệ An, công nhân và nông dân thành phố Vinh biểu tình lớn. Cùng với đó, nông dân các làng Yên Dũng, Lộc Đa, Đức Thịnh, Tân Hợp cũng biểu tình kéo vào thành phố phối hợp với công nhân các nhà máy đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm thuế, phản đối chính sách khủng bố của chính quyền thuộc địa... Ở Hà Tĩnh, trong ngày 1/5, cờ đỏ được treo trước cửa Tòa sứ thị xã Hà Tĩnh, trên nóc nhà thờ huyện Nghi Xuân; nhiều truyền đơn của Đảng xuất hiện ở huyện Đức Thọ, Can Lộc, Cẩm Xuyên; nhiều cuộc mít tinh được tổ chức ở Can Lộc, Thạch Hà...

Cuộc biểu tình ngày 1/9 ở Thanh Chương được coi là mốc mở đầu đánh dấu sự ra đời của chính quyền Xô viết ở Nghệ - Tĩnh và sự kiện lịch sử này đã đánh dấu “một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến”. Tiếp đó, các cuộc biểu tình của nông dân ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Đô Lương, Diễn Châu... (Nghệ An) và ở Can Lộc, Thạch Hà, Kỳ Anh, Hương Sơn, Cẩm Xuyên... (Hà Tĩnh) diễn ra liên tục. Đặc biệt, phong trào đấu tranh của công - nông Nghệ - Tĩnh đã lôi cuốn đông đảo trí thức, học sinh và các tầng lớp nhân dân tham gia, làm cho chính quyền tay sai bị tê liệt ở cấp huyện và tan rã ở cấp xã.

Tiếng vang của những sự kiện chính trị diễn ra ở Nghệ An và Hà Tĩnh ngày 1/5 không chỉ khẳng định thắng lợi của giai cấp công nhân và nông dân hai tỉnh trong tiến trình đấu tranh cách mạng để giành độc lập, tự do mà còn cho thấy: “Đứng về cả nước mà xét, ngày 1/5/1930 có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là lần đầu tiên vô sản Đông Dương xông pha lửa đạn để biểu dương tinh thần đoàn kết cách mạng quốc tế của mình”(3). Có thể nói, sự kiện kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930 là mở đầu cho cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là sự ra đời của các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh sau đó và đây cũng chính là lần đầu tiên công nhân và nông dân sát cánh bên nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù.

Sau ngày 1/5, phong trào đấu tranh lan rộng và phát triển mạnh trên cả nước, nhất là ở Trung Kỳ và Nam Kỳ (từ tháng 6 đến cuối năm 1930). Làn sóng đấu tranh cách mạng của quần chúng đã buộc chính quyền thuộc địa phải thi hành một số chính sách đối với người lao động như trả tự do cho một số người

bị bắt trong các cuộc biểu tình, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, hoãn thuế cho nông dân... Vì thế, để duy trì và đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng ở cả 3 miền, nhất là ở Nghệ An và Hà Tĩnh, Đảng kêu gọi công nhân, nông dân và các tầng lớp khác không lơ là cảnh giác trước một số nhân nhượng của kẻ thù mà phải tiếp tục đoàn kết để đấu tranh và kiên trì đấu tranh ủng hộ giai cấp công - nông Nghệ - Tĩnh.

Trên đà phát triển, những ngày tháng 8, phong trào đấu tranh ở Nam Kỳ phát triển mạnh mẽ hơn, tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân nhà máy rượu Chợ Lớn, ở Công ty Dầu lửa Sài Gòn và các cuộc biểu tình của hàng ngàn nông dân ở Hóc Môn, Trà Vinh, Sa Đéc... Còn ở Trung Kỳ, ngày 1/8, nhân kỷ niệm Ngày quốc tế đỏ, toàn thể công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy tổng bãi công, phản đối chiến tranh đế quốc, kêu gọi công nhân đoàn kết với nông dân và binh lính đấu tranh chống chính quyền thuộc địa. Tiếp đó, nhiều cuộc biểu tình, bãi công diễn ra ngày càng quyết liệt; nhiều cuộc biểu tình còn có sự phối hợp giữa công nhân và nông dân khiến chính quyền thuộc địa lo ngại. Cụ thể, công nhân nhà máy Diêm Bến Thủy đấu tranh liên tục và được công nhân nhà máy Xe lửa Trường Thi, công nhân bốc vác thành phố Vinh hưởng ứng và ủng hộ... Các cuộc đấu tranh của nông dân Thanh Chương biểu tình đòi hoãn thuế, bỏ thuế hoa lợi; nông dân Anh Sơn, Nghi Lộc, Nam Đàn, Quỳnh Lưu biểu tình đòi khất sưu, hoãn thuế... đã lan rộng ra hầu khắp các huyện ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Trong cuộc vận động 1/8, Đảng Cộng sản hô hào quần chúng đấu tranh theo các khẩu hiệu lớn: “Ủng hộ Liên bang Xô viết và phong trào giải phóng ở các thuộc địa!”, “Đánh đổ đế quốc Pháp, địa chủ và quan làng!”, “Xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập!”, “Lập chánh phủ công nông!”, “Tịch ký hết thầy ruộng đất của bọn địa chủ bản xứ và ngoại quốc và đem phát cho dân cày!”, “Phản đối khủng bố trắng. Thả hết thầy tù chánh trị!”, “Mỗi ngày làm tám giờ!”(4)...

Tháng 9/1930, phong trào của công - nông phát triển tới đỉnh cao. Ngày 1/9, cuộc biểu tình quy mô lớn diễn ra ở Thanh Chương (Nghệ An), có sự tham gia của các đội tự vệ đỏ canh gác để cô lập huyện đường Thanh Chương với các xã và tự vệ các tổng Xuân Lâm, Đại Đồng... bao vây, trấn áp tổng lý ở các làng để cắt đứt liên lạc của địch từ Vinh lên, từ Đô Lương xuống. Cũng ngày này, hơn hai nghìn nông dân có tự vệ hỗ trợ đã biểu tình, giương cao các biểu ngữ yêu cầu thả những công nhân Bến Thủy đã bị bắt, giải tán Hội đồng đề hình, đòi được lập hội...; đồng thời, kéo về bao vây huyện lỵ, thiêu hủy huyện đường và truy bắt tri huyện, phá nhà lao... dẫn đến sự tan rã của chính quyền thực dân ở các làng, xã trong huyện. Khi đó, các Ban Chấp hành Nông hội đỏ (xã bộ nông) đã đứng lên nắm quyền cai quản nông thôn. Sau cuộc biểu tình ngày 1/9, “trong số 76 lý trưởng (76 làng, xã) ở Thanh Chương, đã có 35 người đem sổ sách và

con dấu nộp cho “xã bộ”. Toàn huyện có 65/76 làng xã có Ban Chấp hành nông hội đỏ nắm quyền cai quản nông thôn”(5).

Các “làng đỏ” đã hình thành ở một số vùng nông thôn Nghệ - Tĩnh. Tại Nghệ An, sau các cuộc biểu tình quyết liệt đầu tháng 9/1930, chính quyền Xô viết hình thành ở gần như khắp các làng, xã của huyện Thanh Chương, Nam Đàn và nhiều vùng khác thuộc Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Anh Sơn... Còn ở Hà Tĩnh, các Xô viết cũng xuất hiện ở nhiều xã của huyện Can Lộc, Thạch Hà, Đức Thọ, Cẩm Xuyên, Nghi Xuân... Trong các Xô viết, quần chúng nhân dân tự tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và đó chính là những Xô viết đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam - Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Trước thực tế phong trào phát triển mạnh mẽ ở Nghệ - Tĩnh, nhất là việc bạo động lập Xô viết, Trung ương Đảng nhận định chủ trương đó là “chưa đúng hoàn cảnh vì trình độ dự bị của Đảng và quần chúng trong nước chưa đủ, vũ trang bạo động cũng chưa có - bạo động riêng lẻ trong vài địa phương trong lúc bây giờ là quá sớm, là manh động”(6). Cho nên, “những chỗ đã lập Xô viết rồi phải huân chỉnh cho chu đáo, làm sao cho các hạng cố, bản, trung nông hết sức ủng hộ Xô viết và cho Xô viết là chính quyền của mình mới được. Mỗi việc trong làng đều lấy danh nghĩa Xô viết chớ không bao giờ lấy danh nghĩa đảng hay nông hội”(7). Đồng thời, Trung ương cũng chỉ thị các cấp ủy đảng hai tỉnh vừa phải tiếp tục duy trì ảnh hưởng của Đảng, của các Xô viết trong lòng quần chúng vừa phải “tổ chức lại huyện bộ và cán sự chi bộ dự bị bí mật, còn những đảng bộ bây giờ thì cứ hoạt động công khai”.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Xô viết Nghệ - Tĩnh là kết quả cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân và tại các “làng đỏ” - các Xô viết, Ban Chấp hành Nông hội đỏ (xã bộ nông) đã lãnh đạo quần chúng thực thi một số biện pháp đầu tiên của chính quyền cách mạng: 1) Chính quyền thực dân và những luật lệ cũ bị xóa bỏ, thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân và mọi người dân đều được tự do thảo luận và góp sức vào công việc chung; 2) Thi hành tịch thu ruộng đất công, tiền, lúa công để chia cho dân cày nghèo; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, xóa nợ cho người nghèo, thực hiện giảm tô...; 3) Quần chúng nhân dân được hưởng cuộc sống mới; sách, báo và tài liệu của cách mạng được phổ biến rộng rãi. Việc học chữ quốc ngữ được coi trọng gắn với đẩy mạnh phong trào bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội; 4) Các đội tự vệ đỏ được thành lập để bảo vệ chính quyền nhân dân, giữ gìn an ninh trật tự, trấn áp kẻ thù, chống khủng bố. Các tổ chức quần chúng hoạt động mạnh mẽ, trong đó phụ nữ và thiếu niên tham gia sinh hoạt đoàn thể và nhiều hoạt động xã hội như tự vệ, liên lạc, tuyên truyền, cổ động, rải truyền đơn... 5) Tình làng, nghĩa xóm gắn

kết chặt chẽ; trong đó, nhiều hội ái hữu, tương tế được thành lập; người neo đơn, ốm đau được chăm sóc...

Lo sợ trước cao trào đấu tranh cách mạng của công nhân và nông dân ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, thực dân Pháp đã tiến hành các biện pháp khủng bố dã man. Ngày 12/9, cuộc biểu tình của 8.000 nông dân ở Hưng Nguyên và Nam Đàn bị máy bay ném bom của Pháp sát hại hơn 200 người và làm hơn 100 người bị thương. Những ngày sau đó, nông dân các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Hương Sơn... vẫn tổ chức biểu tình, phản đối hành động dã man của chính quyền thực dân. Công nhân các nhà máy khu Vinh - Bến Thủy cũng đấu tranh quyết liệt hơn để đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống sa thải công nhân, ủng hộ các cuộc biểu tình của nông dân... Thực hiện “Tuyên bố về việc bảo vệ Nghệ An chống khủng bố trắng” của Trung ương Đảng, ở Trung Kỳ, Nam Kỳ và Bắc Kỳ, phong trào đấu tranh cách mạng phát triển rộng lớn, làn sóng biểu tình to lớn diễn ra với nhiều hình thức phong phú, thể hiện tinh thần đoàn kết, ủng hộ, bảo vệ Xô viết Nghệ - Tĩnh, chống “khủng bố trắng”, thiết thực chống chính sách áp bức, bóc lột của chính quyền thực dân, phong kiến.

Xô viết Nghệ - Tĩnh là một dấu mốc lịch sử trong hành trình đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân và đó chính là “giá trị của Xô viết Nghệ - Tĩnh trong lịch sử Đảng ta, đây cũng là ý nghĩa của việc nghiên cứu Xô viết Nghệ - Tĩnh trong quá trình nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”(9).

Dù còn sơ khai, song thực sự các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã thực thi chức năng của chính quyền nhà nước; tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của mình, thực sự là một chính quyền của dân, do dân, vì dân. Dù chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian không dài do bị chính quyền của thực dân, phong kiến địa phương đàn áp, song Xô viết Nghệ - Tĩnh với chính quyền kiểu mới thực sự do nhân dân làm chủ vẫn khắc sâu trong tâm trí quần chúng; đồng thời, cũng để lại những kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo của Đảng ta.

Một là, cao trào cách mạng 1930 - 1931 nói chung và Xô viết Nghệ - Tĩnh nói riêng là cuộc “tổng diễn tập” đầu tiên của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xô viết Nghệ - Tĩnh đã đánh dấu bước ngoặt phát triển của cao trào cách mạng 1930-1931; trong đó, Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân đã khẳng định vai trò, vị trí lãnh đạo của mình. Đồng thời, sự phối hợp chặt chẽ trong đấu tranh cách mạng giữa giai cấp công nhân và nông dân cho thấy vai trò quan trọng của mối liên minh công - nông trong quá trình tập hợp lực lượng cách mạng đấu tranh chống đế quốc và phong kiến ở Việt Nam.

Hai là, cao trào 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ - Tĩnh là minh chứng cho thấy “đây là lần đầu tiên dân cày, thợ thuyền và lính khố xanh đã siết chặt tay nhau trên chiến trường, đoàn kết lại để hình thành một đoàn thể duy nhất, một đạo quân duy nhất... Cuộc đấu tranh quyết liệt của dân cày và công nhân Nghệ An và những kết quả đạt được... mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên đấu tranh để xóa bỏ các giai cấp, kỷ nguyên đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản, thói bạo ngược của bọn cường hào quan lại”(8). Đồng thời, cũng để lại cho Đảng bài học kinh nghiệm về việc xây dựng chủ trương, đường lối đúng đắn; đề ra khẩu hiệu đấu tranh phù hợp, đáp ứng nhu cầu và khát vọng của quần chúng nhân dân, những người đã và đang đói khát, lại phải chịu “sưu thuế nặng nề và nạn áp bức xã hội và chính trị làm cho cảnh ngộ của họ càng cùng cực hơn”.

Ba là, thông qua cuộc thử lửa đầy gay go, ác liệt này, Đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng không chỉ được tôi luyện trong thực tiễn mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo và sức ảnh hưởng trong quần chúng. Thông qua cuộc “tổng diễn tập” này, Đảng rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn, nhất là việc cần phải nắm sát tình hình, chuẩn bị tốt lực lượng, đón đúng thời cơ khi tương quan lực lượng cho phép và phải được chuẩn bị chu đáo mới tiến hành khởi nghĩa...

Bốn là, diễn tiến phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng cùng những báo cáo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam nói chung và Xô viết Nghệ - Tĩnh nói riêng đã giúp Quốc tế Cộng sản, các tổ chức trực thuộc Quốc tế Cộng sản cùng các Đảng cộng sản hiểu rõ hơn về những “biểu hiện của một Đảng Bônsovích mặc dầu còn ấu trĩ mắc phải tả khuynh và nhiều thiếu sót trong công tác”(10) và phương pháp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Thông qua đó, ghi nhận “phong trào cách mạng bùng bột trong cả xứ Đông Dương đã góp phần tăng thêm ảnh hưởng cộng sản trong các xứ thuộc địa nhất là các nước phương Đông”(11), kịp thời cổ vũ, động viên phong trào của quần chúng; đồng thời, đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp, uốn nắn và giúp đỡ Đảng Cộng sản Đông Dương khắc phục hạn chế trong công tác./.

TS. TRẦN THỊ BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

(1), (2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2011, t.3, tr.21, 1.

(3) Hồng Thế Công (Hà Huy Tập): Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương, 1993, tài liệu lưu Viện Lịch sử Đảng.

(4), (6), (7), (8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1998, t.2, tr.53-54, 83, 84, 61-62.

(5) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2018, t.1, quyển 1(1930-1945), tr.188.

(9) Hồng Quang: Mấy ý nghĩ về vấn đề nghiên cứu ý nghĩa và tác dụng lịch sử của Xô viết Nghệ - Tĩnh, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 35, tháng 2/1962

(10), (11) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1999, t.4, tr.251, 251.

Theo <https://tuyengiao.vn/>

1969 - 2023: 54 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

54 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2023): Soi sáng con đường đi tới tương lai của dân tộc

Chỉ với hơn 1.000 từ vô cùng ngắn gọn, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ý chí quyết tâm sắt đá, niềm tin mãnh liệt và sức mạnh vĩ đại của dân tộc Việt Nam, sức mạnh của chính nghĩa và chân lý “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Suốt đời lo cho dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu đã đi xa cách đây 54 năm nhưng những tư tưởng quý báu của Người đã trở thành di sản, soi sáng cho cách mạng Việt Nam. Di chúc cho thấy tinh thần thấm đẫm nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng và phát triển con người. Một Hồ Chí Minh đầy bao dung nhân ái, suốt đời dành tình thương yêu trọn vẹn đối với mọi tầng lớp nhân dân và toàn thể nhân loại như nhà thơ Tố Hữu viết: “Bác ơi tim Bác mênh mông thế/ Ôm cả non sông mọi kiếp người”.

Những dòng đầu tiên trong nội dung Di chúc, Bác viết “Trước hết nói về Đảng”. Trọn đời Người vì nước, vì dân, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và cho đến khi sắp đi xa mãi mãi, Người vẫn lo cho đất nước, cho nhân dân, cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu

tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Và quả thực, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác dưới sự dẫn dắt của Đảng.

Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Niềm tin với nhân dân ngày càng tăng lên

Lời căn dặn của Người cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị cho công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

PGS.TS Đào Duy Quát - nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Văn hoá Tư tưởng Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) - phân tích: Trong bản Di chúc thiêng liêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn dò phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Thực hiện Di chúc, kể từ năm 1969 đến nay, Đảng ta thường xuyên có các cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

“Khi ta đọc lại Di chúc càng thấy được những điều căn dặn của Bác Hồ rất căn bản. Cái gốc nhất vẫn là đạo đức. Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Suy nghĩ về cuộc đấu tranh chống lại những suy thoái trong Đảng hiện nay, chúng ta càng cần phải ngẫm lại Di chúc của Bác” - PGS.TS Đào Duy Quát phân tích.

TS Lê Trung Kiên - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - cho rằng, thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước hết phải bắt đầu từ những đảng viên.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao đạo đức cách mạng, nỗ lực phòng, chống và đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân; phòng và chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và các biểu hiện tiêu cực khác trên tinh thần tự soi, tự sửa và tu dưỡng suốt đời.

Đặc biệt, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thống nhất giữa nói và làm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trên mọi lĩnh vực, nhất là trong đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lợi ích nhóm...

Cùng với đó, phát huy hơn nữa vai trò của nhân dân trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng nói chung, trong giám sát cán bộ, đảng viên nói riêng, để “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng” không chỉ là nằm trong nghị quyết, trên khẩu hiệu mà là hiện thực sinh động trong thực tiễn.

54 năm đã qua, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Di chúc của Người luôn đồng hành cùng dân tộc, soi rọi và dẫn dắt toàn đảng, toàn dân và toàn quân luôn kiên định, trung thành với sự nghiệp cách mạng và lý tưởng của Người. 54 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta những bài học lịch sử hết sức quý báu.

Theo <https://laodong.vn/>

20/9/1977: NGÀY VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN LIÊN HỢP QUỐC

Nhìn lại 46 năm Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc

Ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc. Đây là sự kiện có ý nghĩa vô cùng to lớn và mang tính thời đại, đánh dấu sự ghi nhận của tổ chức đa phương lớn nhất hành tinh và cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam, đồng thời cũng là bước ngoặt của Việt Nam trên con đường hội nhập. Trải qua 46 năm đồng hành (20/9/1977 - 20/9/2023), mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên hợp quốc không ngừng củng cố, phát triển mạnh mẽ.

Việc Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc đã tạo điều kiện cho Việt Nam không chỉ tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế cho tái thiết đất nước, mà còn ngày càng tham gia, đóng góp sâu rộng hơn vào các công việc chung của Liên hợp quốc và của thế giới, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã được Liên hợp quốc hỗ trợ mạnh mẽ để tái thiết và phát triển đất nước. Ngay sau khi gia nhập, trong giai đoạn 1977 - 1986, Liên hợp quốc đã tích cực giúp Việt Nam giải quyết những khó khăn nhiều mặt với tổng viện trợ đạt hơn 500 triệu USD. Trong giai đoạn 2006 - 2011, tổng viện trợ là 400 triệu USD. Bên cạnh đó, Liên hợp quốc là một trong những tổ chức đi đầu giúp đỡ Việt Nam hoạch định các chính sách và chương trình hành động về đổi mới, cải cách kinh tế, cải cách hệ thống pháp luật, hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy phát triển và hội nhập quốc tế, nhất là phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chia sẻ kinh nghiệm phát triển trong nhiều lĩnh vực. Trong giai đoạn này, Việt Nam hoàn thành trước hạn 5 trong 8 Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG); tích cực phối hợp các tổ chức phát triển Liên hợp quốc thực hiện thí điểm sáng kiến “Một Liên hợp quốc”, được cộng đồng các nhà tài trợ đánh giá cao. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, hợp tác giữa Việt Nam với Liên hợp quốc đã phát huy tính hiệu quả tối đa. Đến nay, Việt Nam đã tiếp nhận gần 50 triệu liều vaccine phòng Covid-19 thông qua Chương trình COVAX (vượt con số cam kết ban đầu của COVAX là 38,9 triệu liều) và vật tư y tế trị giá 45 triệu USD từ các tổ chức của Liên hợp quốc.

Thứ hai, Việt Nam đã không ngừng nâng cao được vị thế, uy tín thông qua những đóng góp tích cực, thiết thực đối với các hoạt động của Liên hợp quốc, trở thành đối tác quan trọng của Liên hợp quốc. Với tinh thần chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng, Việt Nam đã tham gia và có nhiều đóng góp trên cả 3 trụ cột hoạt động của Liên hợp quốc là hòa bình, an ninh, phát triển và quyền con người. Nổi bật là việc Việt Nam đã đảm nhiệm thành công và có những đóng góp nổi bật trong hai nhiệm kỳ là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2008 - 2009 và 2020 - 2021) - cơ quan quan trọng nhất của Liên hợp quốc về hòa bình, an ninh quốc tế. Từng đảm nhận các cương vị là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, của Ủy ban Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC); tham gia vào những cơ chế điều hành của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), 2 lần đảm nhiệm vị trí thành viên Ủy ban Luật pháp Quốc tế Liên hợp quốc và gần đây nhất trở thành Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 2. Đóng góp cho hòa bình, an ninh quốc tế, năm 2014, Việt Nam bắt đầu cử lực lượng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Đến nay, Việt Nam đã cử 512 lượt sĩ quan quân đội và 4 lượt sĩ quan công an tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại châu Phi và tại trụ sở Liên hợp quốc. Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nữ tham gia cao nhất trong các nước cử quân (12%).

46 năm qua, quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên hợp quốc đã phát triển mạnh mẽ, thực chất; góp phần quan trọng trong củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Tổng thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres khẳng định: Việt Nam là đối tác tin cậy vững chắc của Liên hợp quốc, là nhân tố quan trọng đóng góp vào hòa bình, ổn định trong khu vực. Phó Tổng thư ký Liên hợp quốc Amina Mohammed nhấn mạnh, tiếng nói của Việt Nam rất quan trọng cho đoàn kết quốc tế trong bối cảnh thế giới đang trải qua nhiều khủng hoảng và khác biệt. Đại diện phái đoàn thường trực Pháp và Bỉ cho rằng “Việt Nam là một đối tác mạnh tại Hội đồng Bảo an” với “tiếng nói mạnh mẽ và có được lòng tin của thế giới”.

Đối ngoại đa phương là một trong những ưu tiên của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội lần thứ XIII của Đảng định hướng công tác đối ngoại đa phương là “chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế”. Trên cơ sở đó, việc thúc đẩy quan hệ với Liên hợp quốc được xác định là một trong những trọng tâm của đối ngoại đa phương qua các thời kỳ. Trong điện mừng nhân dịp kỷ niệm 45 năm Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc một lần nữa khẳng định, Việt Nam ủng hộ chủ nghĩa đa phương và vai trò trung tâm của Liên hợp quốc trong ứng

phó với các thách thức toàn cầu, đồng thời khẳng định Việt Nam sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Liên hợp quốc, phát huy vai trò đóng góp tích cực và xây dựng hơn nữa vào công việc chung vì hòa bình, phát triển bền vững trên thế giới và ở mỗi quốc gia./

(Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương)

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Bí quyết thành công của nhà chính trị Hồ Chí Minh

Tại sao trong cùng hoàn cảnh lịch sử, nhiều người Việt Nam ra đi tìm đường cứu nước, nhưng chỉ có Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình đối với Tổ quốc và đồng bào. Từ góc nhìn chính trị học, bài viết phân tích, luận giải các sự kiện và minh chứng lịch sử, làm rõ bí quyết thành công của nhà chính trị Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giành lại độc lập dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC TRÊN NỀN TẢNG TƯ DUY MỚI

Thứ nhất, không theo con đường cũ của những bậc tiền bối.

Trước sự thất bại của các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược (từ năm 1958 đến những thập niên đầu thế kỷ XX), nhiều người Việt Nam trăn trở tìm chọn, thử nghiệm con đường giành độc lập cho dân tộc và một số người đi ra nước ngoài mong tìm sự giúp đỡ của chính phủ các nước cho sự nghiệp chống giặc ngoại xâm(1). Sự khủng hoảng về con đường cứu nước và sự thất bại của các phong trào đấu tranh lúc này đã phản ánh sự bất lực của những “kịch bản” cứu nước theo con đường “cải lương”, “bạo động”, “cầu viện” ngoại bang...

Trong bối cảnh đó, nhận thức được yêu cầu lịch sử, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước(2). Từ kết quả nghiên cứu về Hồ Chí Minh những năm qua cho thấy, ngay từ lúc rời Tổ quốc ra đi, nền tảng tư duy chính trị của Nguyễn Tất Thành khác cơ bản với những người yêu nước đương thời. Một trong những biểu hiện tư duy mới là “trong lúc những thanh niên Việt Nam cùng lứa tuổi say sưa với phong trào Đông Du sang Nhật Bản thì Hồ Chủ tịch đã khước từ sự lựa chọn của Phan Bội Châu đối với mình và rời Tổ quốc ra đi về phía Tây”(3); nhận thức của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc về thế giới và đối tượng của cách mạng Việt Nam cũng trên lập trường và quan điểm mới so với các nhà yêu nước khác. Người không ảo tưởng trông chờ sự giúp đỡ từ các nước đế quốc thực dân. Trong một bức thư

gửi những người bạn cùng làm việc trong toà báo Người cùng khổ, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta”(4).

Dù rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành đã nhận ra những hạn chế của họ trong việc xác định nhiệm vụ lịch sử, mục tiêu, đối tượng cách mạng; nhận ra những hạn chế về phương thức, phương pháp đấu tranh, về nhận thức “bạn - thù” của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở Việt Nam. Do đó, Nguyễn Tất Thành đến nước Pháp không phải để cầu viện hay cầu học, mà “xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”(5). Một sự khác biệt lớn giữa Nguyễn Ái Quốc với các nhà yêu nước lúc đó là xác định phương pháp cách mạng không phải là “bạo động” hay “cải lương” mà “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”(6). Như vậy, trên nền tảng tư duy mới, Nguyễn Ái Quốc đã xác định phương hướng hành động và phương pháp hành động cách mạng phù hợp với yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Như vậy, “Khi còn ở trong nước, Nguyễn Tất Thành tuy chưa nhận thức được đặc điểm của thời đại, nhưng từ thực tế lịch sử, Anh đã thấy rõ con đường của các bậc cha anh là cũ kỹ, không đem lại kết quả, Anh phải đi tìm một con đường mới”(7).

Thứ hai, cứu nước trên nền tảng tư duy chính trị thực tiễn.

Tìm đến văn minh Phương Tây (trong lúc chủ trương “Hướng Đông” đang rất phổ biến) là lựa chọn có tính bước ngoặt thể hiện “sự nhạy cảm chính trị” đặc biệt. Nguyễn Tất Thành kể lại “Vào trạc tuổi 13 lần đầu tiên tôi được nghe những từ ngữ tiếng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái - đối với chúng tôi lúc ấy, mọi người da trắng được coi là người Pháp - thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp”(8).

Nguyễn Tất Thành đến Pháp là để tìm hiểu nước Pháp, để từ đó lý giải về sự xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam. Điều này phản ánh tư duy thực tiễn của nhà cách mạng trẻ tuổi: Muốn tìm hiểu tận gốc kẻ thù đang áp bức nô dịch đất nước mình, để từ đó có phương pháp và vũ khí thích hợp đánh đuổi chúng.

Khi bàn về con đường cứu nước của Phan Bội Châu, có ý kiến cho rằng, mặc dù Cụ đã nhìn thấy “muốn cứu nước phải có lực lượng, phải xây dựng sự đồng tâm hiệp lực của đồng bào cả nước. Cụ ra sức thức tỉnh mọi người để xây dựng khối đoàn kết dân tộc và cũng thấy rõ năm, mười nghìn tên thực dân không thể nào đương đầu lâu dài với cả một dân tộc đồng tâm nhất trí. Nhưng Cụ không thể nào xốc cả một dân tộc đứng dậy được... Phan Bội Châu cũng đã thấy

được tầm quan trọng của sự viện trợ quốc tế, nhưng nếu có thoát khỏi quan niệm đồng văn đồng chủng hoặc đồng bệnh tương liên thì Cụ cũng chưa thể nhìn thấy đâu là lực lượng có thể tranh thủ được. Cụ mong lợi dụng sự mâu thuẫn giữa bọn đế quốc, nhưng chính Cụ và tổ chức yêu nước của Cụ đã bị sự câu kết giữa chúng làm cho khốn quẫn”(9).

Thực tế cho thấy, tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành từ lúc còn trẻ và xuyên suốt hành trình tìm đường giải phóng dân tộc, không phải là sự tiếp tục - tiếp nối tư duy chính trị đương thời để giải quyết vấn đề đặt ra từ những “thất bại” của các nhà yêu nước tiền bối, mà là một hình thái tư tưởng chính trị mới dựa trên nền tảng tư duy chính trị có tính thực tiễn cao. Từ đó hình thành nhiều quan điểm chính trị khác những nhà cách mạng thế hệ trước như: yêu nước gắn liền với thương dân - “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu” (10); học hỏi các nền văn minh để chống lại hành động xâm lược của các nước văn minh; đánh đuổi ngoại xâm, giải phóng dân tộc gắn liền với xây dựng một xã hội mới, một nhà nước mới tiến bộ và tốt đẹp hơn... Tư duy chính trị mới của Nguyễn Tất Thành là nền tảng, lập trường chính trị để Người thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình và trở thành Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, “để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại và trong lịch sử của đất nước”(11) .

ĐỔI MỚI CĂN BẢN QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ TRUYỀN THỐNG

Từ bỏ quan điểm “Trung Quân, Ái Quốc”, xác lập quan điểm “Trung với Nước, Hiếu với Dân” - Yêu nước gắn liền với thương dân.

Những người Việt Nam mang chí hướng giải phóng dân tộc lúc bấy giờ đều có một điểm chung là lòng yêu nước sâu sắc, nhưng ở Nguyễn Tất Thành tình cảm yêu nước gắn liền với lòng thương yêu nhân dân. Vì vậy, mục tiêu nhất quán, xuyên suốt của Nguyễn Tất Thành là tìm con đường giành độc lập cho Tổ quốc và hạnh phúc cho nhân dân - Độc lập dân tộc gắn với hạnh phúc của nhân dân là tiêu chí cơ bản để Nguyễn Tất Thành lựa chọn con đường cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã đặt nền móng đổi mới tư tưởng chính trị Việt Nam truyền thống - thay đổi nền tảng chính trị phong kiến: “Trung Quân, Ái Quốc” bằng quan điểm chính trị mới “Trung với Nước, Hiếu với Dân” (theo GS. TS. Ahn Kyong Hwan, Trường Đại học Chosun, Hàn Quốc: “tinh thần yêu nước, thương dân, yêu dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhân vật vĩ đại nhất xứng đáng là tấm gương cho tất cả các nhà lãnh đạo chính trị trên thế giới”(12); thay đổi quan điểm “Hướng Đông” với lý do “Đồng văn Đồng chủng” bằng tư duy chính trị thực tế, hướng tới tư tưởng chính trị dân chủ hiện đại, gắn chính trị với thực

tiền kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và xu thế quốc tế với những giá trị cốt lõi đảm bảo cho công cuộc giải phóng dân tộc thành công, mở đường cho xây dựng một chế độ xã hội mới ở Việt Nam.

Thực tế lịch sử cho thấy những quan điểm chính trị truyền thống của các sĩ phu phong kiến trong phong trào Cần Vương, hoặc tư tưởng lập hiến, tư tưởng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu, hay tư tưởng cải lương của Phan Chu Trinh... đã hạn chế nhận thức của nhiều nhà yêu nước về nhiệm vụ lịch sử của đất nước đặt ra, hạn chế về tầm nhìn chính trị của các thủ lĩnh lãnh đạo phong đấu tranh giải phóng dân tộc ở thời kỳ này. Vì vậy những quan điểm chính trị truyền thống lúc đó đã không còn thuyết phục đối với Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh.

Xác lập tư tưởng chính trị giải phóng dân tộc trên nền tảng thực tiễn Việt Nam.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được xác lập trên nền tảng thực tiễn, với một hệ thống lý luận hoàn bị, từ tính chất dân tộc dân chủ của cuộc cách mạng đến phương hướng chiến lược của cách mạng; nhiệm vụ của cách mạng (về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội); lực lượng làm cách mạng; lãnh đạo cách mạng; phương pháp cách mạng; quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, và tiếp đến là mô hình phát triển xã hội tổng thể của Việt Nam(13) sau khi đánh đuổi được quân xâm lược.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh phản ánh sát thực đặc điểm lịch sử xã hội Việt Nam; phản ánh sức mạnh to lớn từ những truyền thống tốt đẹp của nhân dân Việt Nam như: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và chế độ cộng sản có thể áp dụng vào cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa, nhưng đồng thời cũng chỉ rõ “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”(14).

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhưng nhân dân phải được giác ngộ, phải được tổ chức và được lãnh đạo bằng một đảng tiên phong với đường lối đúng đắn thì mới trở thành lực lượng có sức mạnh to lớn. Muốn cách mạng thắng lợi “Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng

như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”(15); để xây dựng Đảng Cộng sản, trước hết phải giải quyết tốt vấn đề nhận thức tư tưởng, chính trị và phương pháp tổ chức cho những người yêu nước; phải giác ngộ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam theo lập trường cách mạng vô sản.

Trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, vấn đề giai cấp, dân tộc và lập trường giai cấp, dân tộc được xác định rõ ràng, sát với thực tiễn Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là, trong xã hội có giai cấp, mỗi người đều đứng trên lập trường một giai cấp nhất định. Người cách mạng phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, giai cấp - dân tộc là một thể thống nhất biện chứng, không có giai cấp nào nằm ngoài dân tộc. Vì vậy, khi xem xét, đánh giá ý thức giai cấp của các tầng lớp xã hội và của cá nhân phải đặt trong mối quan hệ với ý thức dân tộc của các tầng lớp và cá nhân ấy. Do đó đòi hỏi nhận thức về vấn đề giai cấp, đấu tranh giai cấp phải đúng đắn. Hồ Chí Minh khẳng định cuộc đấu tranh giai cấp ở Việt Nam không diễn ra giống như ở phương Tây.

Về xác định lực lượng cách mạng, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh phân biệt rõ các thang bậc giai cấp, tầng lớp xã hội trên cơ sở lợi ích và thái độ chính trị của giai cấp, tầng lớp xã hội trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Từ đó, hình thành quan điểm giai cấp đúng đắn, tạo cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tập trung mọi lực lượng có thể để đánh bại quân xâm lược.

Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng; vấn đề nhà nước có ý nghĩa quan trọng đặc biệt về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX bao hàm cả sự khủng hoảng quan điểm về nhà nước và thiết chế nhà nước.

Từ cuối thập niên 20 của thế kỷ trước, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện lập trường chính trị về kiểu cách mạng và kiểu nhà nước, về thiết chế chính trị và thể chế dân chủ. Năm 1919, thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam tại Pháp, Người gửi đến Hội nghị Vécxây bản Yêu sách của nhân dân An Nam, bao gồm 8 điểm. Trong đó, ngoài những điểm liên quan đến quyền dân tộc tự quyết và quyền con người, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến vấn đề pháp quyền và đòi hỏi phải “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương... Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”(16).

Trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, sau khi đánh đổ thực dân Pháp và phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là chung của toàn thể dân tộc, chỉ trừ bọn tay sai đế quốc và những bọn phản

quốc... còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam đều được một phần tham gia giữ chính quyền, có một phần nhiệm vụ giữ và bảo vệ chính quyền ấy... không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà(17); quan điểm đó tiếp tục được thể hiện trong Thư gửi đồng bào toàn quốc (1944): “Chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”(18).

Hồ Chí Minh đã thể hiện sự sáng tạo không chỉ trong việc quán triệt tư tưởng về nhà nước kiểu mới, mà còn thực thi kịp thời quan điểm đó trong tiến trình giải phóng dân tộc, tạo nền tảng cơ bản huy động ở mức cao nhất sức mạnh toàn dân để kháng chiến và kiến quốc thắng lợi.

THÀNH CÔNG CỦA NHÀ CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

Thứ nhất, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc đã đáp ứng hai nhiệm vụ lịch sử đặt ra: 1) đánh đuổi thực dân xâm lược, giành độc lập cho dân tộc; 2) xoá bỏ chế độ phong kiến, giành lại dân chủ cho nhân dân. Chính trị Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công cuộc khủng hoảng về con đường cứu nước, cứu dân đặt ra từ nửa cuối thế kỷ XVII và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trở thành giá trị cốt lõi của đời sống chính trị Việt Nam, trở thành văn hóa chính trị Việt Nam thời kỳ hiện đại.

Thứ hai, Hồ Chí Minh đã xác lập nền tảng chính trị cho sự đoàn kết xã hội Việt Nam thực hiện thắng lợi sự nghiệp “đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm... đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà”, thiết lập một chế độ chính trị hiện đại - nền Cộng hòa Dân chủ Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

Thứ ba, chính trị Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận xây dựng Nhà nước Việt Nam mới vận hành theo phương châm “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... phải đặt quyền lợi của dân trên hết thầy”.

Thứ tư, tư tưởng chính trị - pháp lý Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận Lập Hiến của nước Việt Nam mới, định hướng cho xây dựng các bản Hiến pháp Việt Nam sau này - đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân Việt Nam; tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân với một chính thể dân chủ rộng rãi, một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân bằng sức mạnh của Hiến pháp.

Nhìn tổng quát, thành tựu vĩ đại của nhà chính trị Hồ Chí Minh là lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện thắng lợi việc xóa bỏ sự nô dịch của ngoại bang; đánh đổ chế độ phong kiến phi dân chủ; lập nên chế độ dân chủ cộng hòa, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu hướng tới. Sự nghiệp chính trị của Hồ Chí Minh đã tạo những “dấu ấn” phát triển trong tiến trình vận động của Việt Nam và thế giới. Do đó, Hồ Chí Minh nhận được sự tôn vinh nhất quán, bền vững không chỉ của người Việt Nam, mà cả một bộ phận rất lớn nhân dân thế giới. Vì vậy, nhiệm vụ khoa học đặt ra là phải tiếp tục nghiên sáng tỏ hệ thống những di sản và những “bí quyết” dẫn đến thành công của nhà chính trị Hồ Chí Minh./

PGS. TS. ĐÌNH XUÂN LÝ/TG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

(1) Năm 1886, Tôn Thất Thuyết lên đường sang Trung Quốc cầu viện; Phan Bội Châu với quan niệm “đồng văn đồng chủng” đã đi sang Nhật Bản để cầu viện và tiếp theo là cầu học.

(2) Thời gian này có nhiều trí thức Việt Nam sang Pháp tìm đường cứu nước. Theo báo cáo của Trung ương Đảng Xã hội Pháp, năm 1913 có 7 người Việt Nam vào Đảng Xã hội Pháp, năm 1919 có 80 người Việt Nam tham gia Đảng Xã hội Pháp; Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp năm 1918 (Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 3/2021, tr.12).

(3) (9) Ủy ban KHXH Việt Nam: Hội nghị khoa học nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, H.1981, tr.32, 127-128.

(4) (5) (10) Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Sự thật, H, 1986, tr.47, 13-14, 55.

(6) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, t.1, tr.209.

(7) Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2003, tr.26

(8) PGS. TS. Phạm Xanh: Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam (1921-1930), Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2001, tr.14-15.

(11) Katherine Muller-Marin: Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực hoạt động của UNESCO.

(12) Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay, Nxb Chính trị - Hành chính, H, 2010, tr.399.

(13) Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành tìm hiểu sâu sắc các cuộc cách mạng của Mỹ, Pháp, Nhật, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn... và rút ra kết luận: đây là những cuộc cách mạng chưa đến nơi, vì cách mạng rồi mà dân chúng vẫn bị áp bức, chưa được hưởng tự do, hạnh phúc. Người lựa chọn con đường cách mạng Nga và thiết chế Nhà nước Xôviết, bởi vì chỉ có như vậy dân chúng mới được hưởng hạnh phúc tự do, bình đẳng thật.

(14) (16) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t.1, tr.465, 435.

(15) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, H, 1995, t.2, tr.267-268.

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000, t.7, tr.127.

(18) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, H, 1995, t.3, tr.505.

Theo <https://tuyengiao.phuyen.gov.vn/>

CHÍNH SÁCH MỚI

Trong tháng 9/2023, nhiều chính sách mới sẽ có hiệu lực như: điểm mới trong đánh giá công chức, viên chức; tăng mức lương hưu, trợ cấp cho cán bộ xã già yếu; người có chức vụ, quyền hạn thôi làm việc tại Bộ Xây dựng không được thành lập doanh nghiệp...

Từ ngày 15/9, Nghị định số 48/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực, bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

Trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá, xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính là căn cứ xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

Nghị định cũng quy định tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và đối với từng nhóm đối tượng có nhiệm vụ

tương đồng không quá tỉ lệ đảng viên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" theo quy định của Đảng.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao... thì cấp có thẩm quyền quyết định tỉ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng mức lương hưu, trợ cấp cho cán bộ xã già yếu

Cũng từ ngày 15/9, Thông tư 11/2023/TT-BNV có hiệu lực, hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng cho cán bộ cấp xã già yếu đã nghỉ việc.

Cụ thể, từ 1/7/2023, tăng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã già yếu như sau: Trợ cấp hằng tháng = Mức trợ cấp hưởng tháng 6/2023 x 1,125.

Sau khi điều chỉnh, nếu mức trợ cấp thấp hơn 3 triệu đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng nếu có mức hưởng dưới 2,7 triệu đồng/tháng/người; tăng lên bằng 3 triệu đồng/người/tháng nếu có mức hưởng từ 2,7 - dưới 3 triệu đồng/người/tháng.

Các đối tượng cụ thể được điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng làm tròn số như sau: Nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã: 3 triệu đồng/tháng/người.

Các chức danh còn lại: 2,817 triệu đồng/tháng/người.

Người có chức vụ, quyền hạn thôi làm việc tại Bộ Xây dựng không được thành lập doanh nghiệp

Thông tư 05/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng có hiệu lực từ ngày 20/9, quy định các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ.

Cụ thể là những người làm Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; Hoạt động đầu tư xây dựng; Phát triển đô thị; Hạ tầng kỹ thuật; Nhà ở, công sở và thị trường bất động sản; Vật liệu xây dựng; Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng; Quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thông tư nêu rõ, trong thời hạn đủ 24 tháng kể từ ngày thôi chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, người có chức vụ, quyền hạn công tác trong các lĩnh vực được quy định không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ

phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý...

Thay đổi mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi với người có công

Cũng có hiệu lực trong tháng 9/2023, Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Theo đó, mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng tăng từ 1.624.000 đồng lên 2.055.000 đồng.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

Nghị định bổ sung mức hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; mức hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng đối với thương binh loại B; mức hưởng trợ cấp ưu đãi một lần đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng.

Theo <https://tienphong.vn/>

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN